

Bản án số: 199/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/7/2022  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Tâm
2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Tường Vi

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2022/QĐ-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/QĐST-TA ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn D quen biết, tiến đến hôn nhân vào năm 1995, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, không sống cùng nhau từ thời gian đó, không liên lạc qua lại và không chung sống với nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn, mâu thuẫn, bất đồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn D.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thị H.A, sinh ngày 08/9/1996, Huỳnh Thị K.A, sinh ngày 10/6/2002, đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:*

- Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 25/4/2022; Bản sao giấy khai sinh của 02 con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên chị G, anh D giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn cùng chung sống với nhau nhưng anh D đều vắng mặt, thể hiện việc anh D không có thiện chí hàn gắn cùng chung sống lại với chị G. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh D, nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; anh D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Huỳnh Văn D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*- Ý kiến giải quyết vụ án:*

+ Về hôn nhân: Chị G và anh D quen biết, tiến đến hôn nhân vào năm 1995, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, không sống cùng nhau, không liên lạc qua lại và không chung sống với nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn D; Vì vậy, xác định là hôn nhân giữa chị C, anh T là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ; nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị G và anh D là vợ chồng.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thị H.A, sinh ngày 08/9/1996, Huỳnh Thị K.A, sinh ngày 10/6/2002, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: không có, không đề cập.

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Không công nhận chị Lê Thị G và anh Huỳnh Văn D là vợ chồng;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

*[1.1] Về quan hệ tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, các con chung đã thành niên được xác định là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.2] Về thẩm quyền:* bị đơn Huỳnh Văn D, nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang.

#### *[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, lần thứ nhất được mở vào ngày 12/7/2022, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 28/7/2022, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### *[2] Về quan hệ hôn nhân:*

##### *[2.1] Về tính hợp pháp:*

Chị G, anh D quen biết, tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; cả hai sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã; anh, chị đã không còn sống chung từ thời điểm đó đến nay; Vì vậy, xác định là quan hệ hôn nhân giữa chị G, anh D không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

##### *[2.2] Về tình trạng hôn nhân:*

Thời gian đầu cuộc sống giữa chị G, anh D hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, kể từ thời điểm ly thân chị G về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung nhà với anh D; cả hai không dành sự quan tâm, chia sẻ yêu thương mà thay vào đó là dùng những lời lẽ xúc phạm nhau, thể hiện mâu thuẫn trầm trọng, không còn mục

tiêu, ý chí xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc; trên cơ sở lời trình bày của chị G, biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập có căn cứ chị G, anh D không đăng ký kết hôn thuộc trường hợp hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, chị G yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận chị G với anh D là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: vợ chồng có 02 con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động, không yêu cầu nên không đề cập.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị G, anh D được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.*

Xử:

### *1. Về hôn nhân:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị G. Không công nhận chị Lê Thị G và anh Huỳnh Văn D là vợ chồng.

*2. Về con chung*: có 02 con chung tên Huỳnh Thị H.A, sinh ngày 08/9/1996, Huỳnh Thị K.A, sinh ngày 10/6/2002, đã trưởng thành, có khả năng lao động, không xem xét.

*3. Về tài sản chung, nợ chung*: không có, nên không đặt ra giải quyết.

*4. Về án phí*: Chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004554 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị Lê Thị G đã nộp xong.

### *5. Quyền kháng cáo:*

Chị Lê Thị G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Huỳnh Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**

Chị Lê Thị Gém được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Huỳnh Văn Dũng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc.....giờ.....phút, có đọc lại cho các thành viên cùng nghe, cùng thống nhất ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**